

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **MÃ THANH TRUNG**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

**-Thư ký phiên tòa:** Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **NGUYỄN THỊ KIM Q**, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Anh **ĐINH VĂN T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 16/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Do quen biết nên chị và anh T kết hôn vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường tranh cãi, anh T không quan tâm đến vợ con nên anh chị đã chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Con chung có một cháu tên Nguyễn Đình S, sinh ngày 20/01/2018, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 02/7/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Văn T trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của chị Q về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị Q, đồng ý để cháu S cho chị Q nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** - Chị Nguyễn Thị Kim Q có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q.

- Anh Đinh Văn T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

#### ***Về nội dung:***

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Q trình bày do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm vợ con, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi gây mất tình cảm và anh chị đã chính thức ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, sau khi cưới anh chị chỉ sống hạnh phúc được đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ đó đến nay mà cũng không sắp xếp được cuộc sống gia đình ổn thỏa. Đồng thời, căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh T cũng thống nhất ly hôn với chị Q. Hơn nữa, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng cả hai xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1999 đến nay mà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cho nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Q và anh T không được công nhận là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Có một cháu tên Nguyễn Đình S, sinh ngày 20/01/2018, hiện đang sống với chị Q. Xét thấy, tiếp tục giao cháu S cho chị Q nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với chị Q từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời, anh T cũng đồng ý để cháu S cho chị Q tiếp tục nuôi. Từ đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Không có yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Không tranh chấp nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Đinh Văn T là vợ chồng.

**Về con chung:** Tiếp tục giao cháu Nguyễn Đình S, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Q nuôi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

**Về án phí:** Chị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08691 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**





